

Số: 163 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 06/02/2022 đến 16h00 ngày 07/02/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Trong 24 giờ qua, thế giới ghi nhận thêm hơn 1,8 triệu ca mắc COVID-19 và hơn 6.300 ca tử vong. Tới nay, tổng số ca mắc COVID-19 trên toàn cầu vượt 396 triệu ca, trong đó trên 5,7 triệu ca tử vong.

Giới chức Nga cho biết nước này ghi nhận 180.071 ca mắc mới COVID-19 trong 24 giờ qua. Đây là số ca mắc mới ghi nhận hằng ngày cao kỷ lục kể từ khi dịch bệnh này bùng phát ở Nga, trong bối cảnh biến thể Omicron tiếp tục lây lan rộng. Số ca mắc mới ở Nga liên tục lập kỷ lục trong những ngày gần đây.

Trong bối cảnh số ca mắc biến thể Omicron tăng trên toàn cầu, kết quả phân tích, đánh giá các dữ liệu tổng hợp cho thấy đa phần trẻ em nhiễm biến thể Omicron đều không xuất hiện hội chứng hậu COVID-19. Tuy nhiên, nhiều trẻ em vẫn còn mệt mỏi, đau đầu và bị sốt nhẹ. Những trẻ này cần phải được theo dõi y tế, đặc biệt là được bác sỹ nhi khoa thăm khám thêm trong trường hợp cần thiết.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 07/02/2022, cả nước ghi nhận 2.358.786 ca mắc, trong đó 2.353.246 ca trong nước. Đến nay đã có 2.122.380 người khỏi bệnh, 38.324 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 2.355.934 ca, trong đó có 2.351.676 ca trong nước (99,8%), 2.119.563 người đã khỏi bệnh (90%), 38.289 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 16.815 ca mắc mới, trong đó 16.809 ca ghi nhận trong nước (tăng 2.704 so với ngày trước đó) tại 61 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (2.988), Nghệ An (1.247), Đà Nẵng (935), Hải Dương (845), Thanh Hóa (789), Vĩnh Phúc (725), Phú Thọ (662), Hải Phòng (633), Nam Định (596), Hòa Bình (585), Bắc Ninh (510), Quảng Nam (461), Thái Nguyên (396), Thái Bình (387), Bình Định (313), Ninh Bình (293), Bắc Giang (289), Điện Biên (241), Lâm Đồng (233), Bình Phước (230), Quảng Bình (217), Gia Lai (215), Hưng Yên (208), Thừa Thiên Huế (199), Quảng Ninh (196), Lạng Sơn (179), Hà Nam (168), Cà Mau (146), Quảng Trị (135), Quảng Ngãi (134), Lào Cai (128), Sơn La (125), Yên Bái (115), Khánh Hòa (110), Hà Giang (105), Hà Tĩnh (104), Bà Rịa - Vũng Tàu (95), Đắk Nông (91), Hồ Chí Minh (76), Cao Bằng (68),

Tuyên Quang (64), Bình Thuận (62), Bắc Kạn (58), Bạc Liêu (48), Kiên Giang (48), Kon Tum (45), Bến Tre (43), Vĩnh Long (42), Phú Yên (38), Trà Vinh (30), Lai Châu (30), An Giang (29), Đồng Tháp (24), Tây Ninh (19), Bình Dương (14), Cần Thơ (10), Đồng Nai (8), Hậu Giang (8), Tiền Giang (6), Ninh Thuận (6), Long An (5).

+ Có 6 ca nhập cảnh ghi nhận tại Hồ Chí Minh (2), An Giang (2), Nam Định (1), Nghệ An (1).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Quảng Nam (giảm 392), Bắc Giang (giảm 157), Bình Định giảm 112).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Nghệ An (tăng 572), Thanh Hóa (tăng 489), Hải Dương (tăng 279).

- Đến nay Việt Nam đã ghi nhận 192 ca mắc COVID-19 do biến thể Omicron tại 16 tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh (92), Quảng Nam (27), TP. Hà Nội (14), Khánh Hòa (11), Đà Nẵng (8), Kiên Giang (4), Quảng Ninh (20), Thanh Hóa (2), Hải Dương (2), TP. Hải Phòng (1), Long An (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bình Dương (1), Lâm Đồng (1), Ninh Bình (1), Hưng Yên (6).

2. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 2.119.563 người đã khỏi bệnh (90%), tăng 9.665 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 198.082 trường hợp, trong đó có 2.194 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 1.325; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 341; (3) Thở máy không xâm lấn: 48; (4) Thở máy xâm lấn: 324; (5) EMO:13.

Trong ngày 06/02, ghi nhận 63 trường hợp tử vong (giảm 21 trường hợp so với ngày trước đó), gồm: Bến Tre (7), Bà Rịa - Vũng Tàu (6), Vĩnh Long (5), Bắc Ninh (4), Đà Nẵng (4), TP. Hồ Chí Minh (4), Thừa Thiên Huế (3), Bạc Liêu (2), Đồng Tháp (2), Hải Dương (2), Hòa Bình (2), Ninh Bình (2), Sóc Trăng (2), An Giang (1), Bình Định (1), Bình Phước (1), Bình Thuận (1), Cần Thơ (1), Đồng Nai (1), Hà Giang (1), Hà Nam (1), Hải Phòng (1), Hậu Giang (1), Kiên Giang (1), Lạng Sơn (1), Phú Thọ (1), Quảng Ngãi (1), Quảng Trị (1), Thái Bình (1), Thanh Hóa (1), Tiền Giang (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bộ Y tế có công văn gửi đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy và Chủ tịch UBND 12 tỉnh, thành phố gồm: Thanh Hóa, Hải Dương, Thái Nguyên, Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Định, Kon Tum, Gia Lai, Tiền Giang, Cần Thơ, An Giang và Kiên Giang về việc tăng cường triển khai tiêm vaccine Abdala trong tháng 2/2022.

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

- Tiếp tục chỉ đạo các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai chiến dịch tiêm chủng mùa Xuân trên địa bàn đảm bảo hiệu quả và an toàn.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 06/02/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 38.058.975 mẫu cho 81.089.496 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 32.324.630 mẫu tương đương 77.341.557 lượt người, tăng

35.339 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.797.008 mẫu gộp cho 47.934.784 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin đã tiếp nhận đến ngày 06/02/2022 là 213.663.114 liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	32.863.320	12.927.860	19.549.060	386.400	63.190.356
2	Pfizer	50.999.130	26.376.270	23.999.040	2.377.230	0	77.375.400
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	107.336.948	51.024.460	29.449.090	26.863.398	213.663.114
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						195.966.966
III	Số vắc xin chưa phân bổ						17.696.148

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 213,7 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 196 triệu liều; còn khoảng 17,7 triệu liều¹ chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 06/02/2022

Cả nước đã tiêm 182.426.454 liều (trong ngày tiêm được 203.969 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 93,1% số vắc xin phân bổ 123 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi) ²	100,0%	96,6%	25,0%
Trẻ em (12-17 tuổi)	95,0%	88,3%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 166.110.194 liều:

+ Mũi 1: 70.656.032 liều

+ Mũi 2: 67.870.948 liều³; Mũi bổ sung: 10.382.610 liều.

+ Mũi 3: 17.200.604 liều

¹ 17,7 triệu liều chưa phân bổ gồm: 9,1 triệu liều Pfizer mua; 0,5 triệu liều AstraZeneca mua; 1,4 triệu liều AstraZeneca do Úc viện trợ; 0,1 triệu liều Sputnik Light do Nga viện trợ; 0,5 triệu liều Sinopharm do Trung Quốc viện trợ; 4,6 triệu liều Moderna và 1,4 triệu liều AstraZeneca do COVAX viện trợ

² Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

³ Bao gồm 1.437.935 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày

52/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

11/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 82% - dưới 90%⁴.

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 16.316.260 liều:

+ Mũi 1: 8.455.708 liều

+ Mũi 2: 7.860.552 liều.

38/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

15/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 80-dưới 90%⁵.

10/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 23% - dưới 80%⁶.

(Chi tiết phân bố và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Đến nay, dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Mặc dù vậy, trong bối cảnh nước ta đang dần mở cửa lại các hoạt động phục hồi, phát triển kinh tế xã hội; nhất là sau Tết Nguyên Đán người dân trở lại đi làm, đi học... có sự gia tăng giao lưu đi lại của người dân tại tất cả các địa phương, việc tổ chức lễ hội văn hóa, sinh hoạt cộng đồng, việc thăm hỏi người thân, việc di chuyển của người dân trở lại làm việc sau Tết... dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ gia tăng số ca nhiễm bệnh sau dịp Tết, lây lan dịch bệnh trong cộng đồng, kể cả việc lây nhiễm biến thể Omicron. Nếu không kiểm soát, số mắc tăng quá mức, sẽ tăng ca nặng, gây quá tải hệ thống y tế dẫn đến nhiều trường hợp tử vong ngoài ý muốn.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Tập trung đẩy mạnh Chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 thần tốc mùa Xuân năm 2022; rà soát, tiêm vét các đối tượng nguy cơ cao, không để bỏ sót đối tượng chưa được tiêm chủng và đối tượng chưa được tiêm đủ liều vắc xin; bảo đảm an toàn tiêm chủng.

2. Tiếp tục rà soát, đánh giá cấp độ dịch theo hướng dẫn tại Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ để tổ chức các biện pháp đáp ứng dịch phù hợp, làm cơ sở triển khai các hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp với Nghị quyết số 128/NQ-CP và tình hình dịch bệnh.

3. Tiếp tục giám sát, quản lý chặt chẽ các trường hợp nhập cảnh để bảo đảm an toàn phòng, chống dịch. Cập nhật, tổ chức triển khai các hướng dẫn phòng, chống dịch, chẩn đoán, điều trị người bệnh COVID-19 của Bộ Y tế.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, bệnh viện, trường học, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe... nhất là khi đưa học sinh trở lại học tập trực tiếp tại trường, người lao động trở lại làm việc sau Tết.

5. Các cơ sở y tế thực hiện nghiêm công tác phân luồng, phân tuyến; có phương án thường trực, dự trữ cơ số máu, thuốc, dịch truyền, ôxy y tế, vật tư, hoá chất, bố trí cơ số giường bệnh, phương tiện cấp cứu và cấp cứu ngoại viện để sẵn sàng đáp ứng,

⁴ Thanh Hóa, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Cao Bằng, Sơn La, Điện Biên, Phú Yên, Tây Ninh, Trà Vinh, Bình Dương.

⁵ Hải Phòng, Bắc Giang, Phú Thọ, Hải Dương, Lai Châu, Hà Giang, Lào Cai, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Gia Lai, TP. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Tây Ninh, Cần Thơ, Kiên Giang.

⁶ Bắc Kạn, Sơn La, Điện Biên, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Thuận, Đắk Lắk, Đồng Nai, Đồng Tháp, Bình Dương.

đảm bảo tốt công tác phòng, chống dịch và thu dung, điều trị, khám bệnh, chữa bệnh thường quy.

Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác quản lý chất thải y tế, đảm bảo việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế, chất thải trong phòng, chống dịch COVID-19 được thực hiện đúng quy định, không làm phát tán mầm bệnh ra bên ngoài và không gây ô nhiễm môi trường.

6. Bộ Y tế tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai các hoạt động liên quan đến việc tạo điều kiện thuận lợi cho cấp phép nhập cảnh, mở cửa du lịch và mở cửa trường học an toàn cho học sinh trở lại trường.

7. Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trong dịp lễ hội văn hóa năm 2022.

8. Quan tâm đến các chế độ, chính sách động viên lực lượng y, bác sỹ, người tình nguyện tham gia chống dịch bằng các hình thức hỗ trợ cụ thể, thiết thực. Kịp thời tôn vinh, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhân Ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/2 để tiếp tục khơi dậy lòng nhiệt huyết, dấn thân của đội ngũ y, bác sỹ tuyến đầu chống dịch, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, vượt qua khó khăn, thách thức tham gia phòng, chống dịch COVID-19.

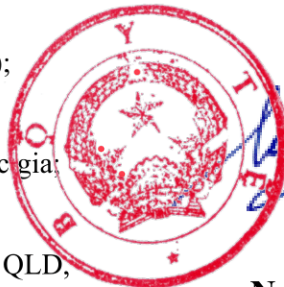
9. Triển khai hiệu quả, đồng bộ các hoạt động truyền thông phòng, chống dịch COVID-19 theo định hướng, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, với nguyên tắc chủ động, minh bạch, kịp thời, hiệu quả. Tuyên truyền để người dân tiếp tục thực hiện nghiêm thông điệp 5K, nhất là đeo khẩu trang theo quy định; không lơ là, chủ quan trước diễn biến dịch bệnh ngay cả khi đã tiêm đủ liều vắc xin.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TU, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 06/02	Số mắc ngày 07/02	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 07/02	Số tử vong tích lũy đến 06/02
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		14.105	16.809	2.704	2.351.474	38.289
1	Hồ Chí Minh	43	76	33	514.533	20.364
2	Bình Dương	3	14	11	292.761	3.390
3	Hà Nội	2.797	2.988	191	150.996	602
4	Đồng Nai	14	8	(6)	99.960	1.681
5	Tây Ninh	27	19	(8)	88.539	830
6	Khánh Hòa	59	110	51	61.895	285
7	Cà Mau	85	146	61	56.576	287
8	Vĩnh Long	30	42	12	53.625	726
9	Đồng Tháp	13	24	11	47.486	929
10	Bình Phước	193	230	37	47.232	171
11	Cần Thơ	9	10	1	44.424	875
12	Bến Tre	63	43	(20)	42.117	380
13	Long An	7	5	(2)	41.729	979
14	Bắc Ninh	460	510	50	40.904	80
15	Đà Nẵng	927	935	8	38.251	130
16	Trà Vinh	11	30	19	38.051	230
17	An Giang		29	29	35.599	1.306
18	Bạc Liêu	39	48	9	35.474	368
19	Tiền Giang	14	6	(8)	35.361	1.217
20	Bình Định	425	313	(112)	34.828	145
21	Hải Phòng	523	633	110	33.499	66
22	Kiên Giang	45	48	3	33.441	812
23	Sóc Trăng			-	32.281	568
24	BRVT	92	95	3	31.175	428
25	Bình Thuận	27	62	35	29.525	389
26	Thanh Hóa	300	789	489	23.841	23
27	T.T.Huế	148	199	51	22.423	145
28	Hưng Yên	195	208	13	19.776	2
29	Quảng Nam	853	461	(392)	18.802	28
30	Lâm Đồng	228	233	5	17.657	63
31	Nghệ An	675	1.247	572	17.278	45
32	Bắc Giang	446	289	(157)	16.977	17
33	Đắc Lắc			-	16.405	86
34	Hậu Giang	11	8	(3)	16.045	191
35	Quảng Ngãi	143	134	(9)	15.146	50
36	Hải Dương	566	845	279	14.551	23
37	Nam Định	593	596	3	14.322	17
38	Vĩnh Phúc	550	725	175	13.584	8
39	Quảng Ninh	94	196	102	13.446	9
40	Hà Giang	92	105	13	12.671	31

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 06/02	Số mắc ngày 07/02	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 07/02	Số tử vong tích lũy đến 06/02
41	Phú Thọ	491	662	171	11.847	11
42	Hòa Bình	523	585	62	10.917	30
43	Gia Lai	56	215	159	10.657	33
44	Phú Yên		38	38	10.454	62
45	Thái Nguyên	355	396	41	9.602	6
46	Thái Bình	419	387	(32)	9.358	4
47	Đắc Nông	49	91	42	8.730	26
48	Quảng Bình	185	217	32	7.290	9
49	Ninh Thuận	3	6	3	6.901	56
50	Hà Nam	169	168	(1)	6.831	4
51	Quảng Trị	92	135	43	5.315	7
52	Ninh Bình	183	293	110	5.249	22
53	Sơn La	132	125	(7)	4.889	-
54	Lạng Sơn		179	179	4.786	16
55	Lào Cai	110	128	18	4.171	5
56	Tuyên Quang	95	64	(31)	4.036	2
57	Yên Bái	73	115	42	3.366	5
58	Điện Biên	128	241	113	3.117	1
59	Kon Tum		45	45	3.109	-
60	Hà Tĩnh	147	104	(43)	3.010	6
61	Cao Bằng	55	68	13	2.075	4
62	Bắc Kạn	40	58	18	1.354	4
63	Lai Châu		30	30	1.224	-
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVND TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	14.105	16.809	2.704	2.351.676	38.289

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 06/02/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 123 đợt
1	Hà Nội	16.644.142	6.210.495	5.942.052	0	235.199	2.538.903	695.509	669.486	16.291.644	97,9%
2	Hải Phòng	4.230.320	1.659.430	1.525.307	0	41.169	49.351	152.042	148.204	3.575.503	84,5%
3	Thái Bình	2.910.940	1.150.650	1.187.132	96.673	213.563	228.796	150.028	141.719	3.168.561	108,9%
4	Nam Định	2.768.360	1.135.510	1.110.291	0	54.967	103.027	153.675	135.711	2.693.181	97,3%
5	Hà Nam	1.699.760	580.669	569.972	0	263.541	133.875	70.946	69.103	1.688.106	99,3%
6	Ninh Bình	1.622.960	636.194	654.320	0	154.521	84.838	82.166	76.925	1.688.964	104,1%
7	Thanh Hoá	6.813.480	2.308.654	2.135.637	228.432	232.808	70.840	282.308	274.147	5.532.826	81,2%
8	Bắc Giang	3.616.480	1.304.731	1.284.706	0	99.744	741.786	149.488	148.929	3.729.384	103,1%
9	Bắc Ninh	3.012.450	1.129.068	1.072.567	0	358.610	286.797	115.299	108.008	3.070.349	101,9%
10	Phú Thọ	2.225.740	972.339	875.552	0	162.012	50.297	124.912	107.794	2.292.906	103,0%
11	Vĩnh Phúc	2.193.070	779.951	701.678	0	139.384	116.490	108.055	106.413	1.951.971	89,0%
12	Hải Dương	3.214.630	1.321.429	1.246.669	4.595	84.757	286.818	157.247	146.161	3.247.676	101,0%
13	Hung Yên	2.352.762	820.217	791.322	0	135.222	119.058	109.641	107.204	2.082.664	88,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 123 đợt
14	Thái Nguyên	2.312.690	909.756	832.637	12.792	156.868	120.042	107.990	105.970	2.246.055	97,1%
15	Bắc Cạn	565.100	212.856	198.097	0	5.234	15.018	20.388	6.108	457.701	81,0%
16	Quảng Ninh	3.125.858	1.007.655	972.389	0	21.625	833.415	119.421	110.336	3.064.841	98,0%
17	Hoà Bình	1.616.610	540.659	501.876	0	26.692	4.972	75.444	71.462	1.221.105	75,5%
18	Nghệ An	5.478.880	1.978.184	1.961.775	499.033	242.846	618.628	281.138	266.651	5.848.255	106,7%
19	Hà Tĩnh	2.250.650	798.352	725.504	0	165.733	81.735	112.855	106.866	1.991.045	88,5%
20	Lai Châu	755.270	254.289	242.282	0	90.428	42.978	52.632	46.931	729.540	96,6%
21	Lạng Sơn	1.543.890	499.399	484.889	0	0	235.126	66.486	62.735	1.348.635	87,4%
22	Tuyên Quang	1.354.160	486.993	467.519	0	35.763	141.026	70.237	67.026	1.268.564	93,7%
23	Hà Giang	1.572.780	479.139	452.892	214	70.522	147.902	86.340	72.936	1.309.945	83,3%
24	Cao Bằng	870.380	347.147	320.935	0	64.972	68.639	45.271	40.861	887.825	102,0%
25	Yên Bái	1.595.860	512.107	495.666	0	254.412	124.930	78.801	75.312	1.541.228	96,6%
26	Lào Cai	1.483.760	460.461	442.098	0	217.115	68.701	78.934	71.772	1.339.081	90,2%
27	Sơn La	1.706.930	775.679	670.622	1.569	0	98.381	95.449	108.526	1.750.226	102,5%
28	Điện Biên	1.115.500	330.098	300.837	0	126.470	68.712	72.701	54.023	952.841	85,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 123 đợt
Cộng miền Bắc		80.653.412	29.602.111	28.167.223	843.308	3.654.177	7.481.081	3.715.403	3.507.319	76.970.622	95,4%
29	Quảng Bình	1.384.770	528.936	507.790	0	50.390	53.401	79.010	60.213	1.279.740	92,4%
30	Quảng Trị	1.222.182	428.570	411.757	9.938	46.331	55.416	61.070	48.518	1.061.600	86,9%
31	TT- Huế	2.294.176	785.406	754.103	0	219.446	141.069	102.378	98.626	2.101.028	91,6%
32	Tp. Đà Nẵng	2.133.682	861.311	851.114	0	84.305	130.568	100.536	98.437	2.126.271	99,7%
33	Quảng Nam	2.902.400	1.038.613	1.012.206	31.972	200.750	58.637	132.318	129.191	2.603.687	89,7%
34	Quảng Ngãi	2.463.394	846.383	787.666	0	50.476	103.192	112.133	110.572	2.010.422	81,6%
35	Bình Định	2.798.680	1.045.207	1.003.457	51.499	182.454	112.110	140.576	132.109	2.667.412	95,3%
36	Phú Yên	1.602.454	622.196	588.179	0	52.885	116.023	84.789	80.618	1.544.690	96,4%
37	Khánh Hòa	2.835.860	973.223	940.902	0	360.286	278.414	116.521	115.497	2.784.843	98,2%
38	Ninh Thuận	1.236.810	429.836	397.007	0	108.359	57.849	59.717	54.472	1.107.240	89,5%
39	Bình Thuận	2.665.820	905.829	872.459	7.207	230.429	66.383	123.807	107.113	2.313.227	86,8%
Cộng miền		23.540.228	8.465.510	8.126.640	100.616	1.586.111	1.173.062	1.112.855	1.035.366	21.600.160	91,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 123 đợt
Trung											
40	Kon Tum	984.090	319.406	312.834	6.894	75.441	36.700	58.765	55.401	865.441	87,9%
41	Gia Lai	2.602.452	984.465	888.315	71.411	60.028	119.586	166.399	141.650	2.431.854	93,4%
42	Đắk Lắk	3.255.460	1.252.832	1.174.563	0	389.953	105.826	177.889	161.658	3.262.721	100,2%
43	Đắk Nông	1.215.940	402.415	395.022	0	144.731	58.636	67.958	65.117	1.133.879	93,3%
Cộng Tây Nguyên		8.057.942	2.959.118	2.770.734	78.305	670.153	320.748	471.011	423.826	7.693.895	95,5%
44	TP. HCM	20.655.820	7.454.912	6.771.080	12.340	738.772	3.850.246	721.107	704.106	20.252.563	98,0%
45	BR-VT	2.601.240	968.835	890.175	0	0	395.428	110.427	108.834	2.473.699	95,1%
46	Đồng Nai	6.233.240	2.715.339	2.339.622	0	123.650	275.465	177.393	129.099	5.760.568	92,4%
47	Tiền Giang	3.707.690	1.319.821	1.278.141	138.417	91.287	397.202	156.482	149.015	3.530.365	95,2%
48	Long An	4.078.390	1.499.584	1.450.761	30	17.372	836.539	170.854	153.217	4.128.357	101,2%
49	Lâm Đồng	2.943.304	976.879	953.563	0	395.437	92.455	136.650	117.763	2.672.747	90,8%
50	Tây Ninh	2.565.460	872.889	825.859	10.161	25.680	325.421	89.125	87.277	2.236.412	87,2%
51	Cần Thơ	2.790.818	942.696	937.390	5.890	310.174	180.908	108.568	100.675	2.586.301	92,7%
52	Sóc Trăng	2.628.960	887.380	851.673	0	472.841	10.887	116.852	109.087	2.448.720	93,1%

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 64.090 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.646.220 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.260.886 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 166.883 liều nhắc lại.

- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 121.956 liều, trong đó có 59.902 mũi 1, 37.811 mũi 2 và 24.243 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 872.000 liều).

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 123 đợt
53	An Giang	3.977.092	1.358.942	1.338.752	184.133	408.033	165.839	202.752	185.332	3.843.783	96,6%
54	Bến Tre	2.962.480	1.020.795	996.440	0	406.338	140.140	106.936	102.566	2.773.215	93,6%
55	Trà Vinh	2.053.270	787.383	576.885	0	19.336	336.513	85.371	78.647	1.884.135	91,8%
56	Vĩnh Long	2.316.120	775.603	754.175	0	264.302	187.915	91.343	86.626	2.159.964	93,3%
57	Đồng Tháp	3.504.710	1.127.242	1.168.287	148	275.003	120.545	144.649	115.048	2.950.922	84,2%
58	Bình Dương	6.084.450	2.379.843	1.939.931	0	22.061	236.033	186.968	141.929	4.906.765	80,6%
59	Bình Phước	2.203.780	751.136	716.190	0	148.084	65.231	109.584	100.949	1.891.174	85,8%
60	Kiên Giang	3.566.150	1.238.102	1.147.310	64.587	0	151.026	166.403	156.105	2.923.533	82,0%
61	Cà Mau	2.397.190	818.765	808.584	0	377.595	102.379	112.461	111.262	2.331.046	97,2%
62	Bạc Liêu	1.604.190	567.149	555.764	0	170.786	99.051	88.472	85.439	1.566.661	97,7%
63	Hậu Giang	1.479.590	531.492	510.624	0	205.418	65.364	74.042	71.065	1.458.005	98,5%
Cộng miền Nam		80.353.944	28.994.787	26.811.206	415.706	4.472.169	8.034.587	3.156.439	2.894.041	74.778.935	93,1%

Ghi chú:

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 06/02/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	46,6%	100,0%	99,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	3,4%	90,5%	88,2%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,4%	95,4%	18,4%	100,0%	94,5%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	98,0%	95,8%	8,9%	100,0%	93,6%
5	Hà Nam	612.219	72.258	94,8%	93,1%	21,9%	98,2%	95,6%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	98,3%	12,7%	100,0%	94,1%
7	Thanh Hoá	2.389.774	282.970	96,6%	89,4%	3,0%	99,8%	96,9%
8	Bắc Giang	1.322.538	168.720	98,7%	97,1%	56,1%	88,6%	88,3%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	98,5%	93,5%	25,0%	98,8%	92,5%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	96,2%	86,6%	5,0%	97,0%	83,7%
11	Vĩnh Phúc	789.896	113.795	98,7%	88,8%	14,7%	95,0%	93,5%
12	Hải Dương	1.331.799	166.013	99,2%	93,6%	21,5%	94,7%	88,0%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,3%	95,8%	14,4%	97,2%	95,0%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	99,1%	90,7%	13,1%	100,0%	98,2%
15	Bắc Cạn	216.218	26.267	98,4%	91,6%	6,9%	77,6%	23,3%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	98,8%	95,3%	81,7%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	94,8%	88,0%	0,9%	100,0%	96,9%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,2%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	91,2%	10,3%	97,8%	92,6%
20	Lai Châu	261.410	52.540	97,3%	92,7%	16,4%	100,0%	89,3%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	98,6%	95,8%	46,4%	100,0%	95,4%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	95,8%	28,9%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	97,8%	92,4%	30,2%	96,0%	81,1%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	94,1%	87,0%	18,6%	100,0%	92,3%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	97,1%	24,5%	99,5%	95,1%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	99,3%	15,4%	98,8%	89,8%
27	Sơn La	786.097	141.408	98,7%	85,3%	12,5%	67,5%	76,7%
28	Điện Biên	336.229	74.737	98,2%	89,5%	20,4%	97,3%	72,3%
Cộng miền Bắc		29.064.644	3.802.329	100,0%	96,9%	25,7%	97,7%	92,2%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	97,6%	93,7%	9,9%	99,3%	75,7%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	94,5%	90,8%	12,2%	87,6%	69,6%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	96,7%	18,1%	99,3%	95,6%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,3%	96,2%	14,8%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	95,6%	93,2%	5,4%	94,3%	92,0%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	99,3%	92,4%	12,1%	97,6%	96,3%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	93,7%	90,0%	10,1%	95,9%	90,2%
36	Phú Yên	678.954	86.632	91,6%	86,6%	17,1%	97,9%	93,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	98,7%	29,2%	90,7%	89,9%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	94,6%	13,8%	96,8%	88,3%
39	Bình Thuận	902.470	135.851	100,0%	96,7%	7,4%	91,1%	78,8%
Cộng miền Trung		8.668.699	1.169.017	97,7%	93,7%	13,5%	95,2%	88,6%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,3%	92,4%	10,8%	96,7%	91,2%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	93,5%	12,6%	95,9%	81,6%
42	Đắk Lắk	1.263.947	206.278	99,1%	92,9%	8,4%	86,2%	78,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,4%	97,6%	14,5%	98,7%	94,6%
Cộng Tây Nguyên		2.957.714	509.383	100,0%	93,7%	10,8%	92,5%	83,2%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	99,2%	56,4%	86,7%	84,7%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	93,1%	41,3%	98,0%	96,5%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,0%	11,1%	60,7%	44,2%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,3%	30,5%	98,7%	94,0%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	99,9%	57,6%	100,0%	91,4%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	98,1%	9,5%	100,0%	89,3%
50	Tây Ninh	947.189	98.373	92,2%	87,2%	34,4%	90,6%	88,7%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,5%	98,9%	19,1%	96,3%	89,3%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	98,3%	1,3%	100,0%	97,8%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,1%	97,6%	12,1%	100,0%	93,2%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,3%	95,9%	13,5%	100,0%	98,2%
55	Trà Vinh	698.227	87.422	100,0%	82,6%	48,2%	97,7%	90,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	98,1%	24,4%	99,6%	94,5%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.614	90,5%	93,8%	9,7%	90,6%	72,1%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,2%	10,0%	96,3%	73,1%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,0%	94,4%	8,6%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	189.132	100,0%	96,4%	12,7%	88,0%	82,5%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	12,6%	100,0%	99,1%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,1%	97,1%	17,3%	97,4%	94,1%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,1%	95,2%	12,2%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.115.078	3.422.881	100,0%	95,4%	28,6%	92,2%	84,5%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 05/02/2022 đến 16h00 ngày 06/02/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 2.245 lượt người (nhập cảnh: 1.061, xuất cảnh: 1.184).
- + Tuyến VN-TQ: 451 lượt người (nhập cảnh: 217, xuất cảnh: 234).
- + Tuyến VN-Lào: 1.244 lượt người (nhập cảnh 615, xuất cảnh: 629).
- + Tuyến VN-CPC: 550 lượt người (nhập cảnh 229; xuất cảnh: 321).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 202 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 130 người (VN-TQ: 01, VN-Lào: 13, VN-CPC: 116).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 72 người (VN-TQ: 10; VN-Lào: 0, VN-CPC: 62).
 - + Số người trao trả: 0 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 31/01/2022 tới ngày 01/02/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 275 lượt người (nhập cảnh: 144 lượt người; xuất cảnh: 131 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 712 lượt người (nhập cảnh: 457 lượt người; xuất cảnh: 155 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 07/02, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 27 tin/bài tiếng Việt; 48 ảnh trong nước và quốc tế; 14 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh tại Việt Nam, công tác tiêm vaccine phòng COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tiếp tục phản ánh tình hình dịch COVID-19; công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch; các bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thích ứng trong bối cảnh bình thường mới; chuẩn bị cho học sinh đi học trở lại; các địa phương tích cực triển khai Chiến lược tiêm chủng mùa Xuân 2022...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật diễn biến dịch bệnh tại các nước/khu vực trên thế giới với một số thông tin đáng chú ý như: Các nước tích cực thúc đẩy tiêm chủng cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi (Nhật Bản, Lào, Thái Lan ...); Malaysia hoàn thành mục tiêu tiêm chủng của WHO; Ấn Độ cấp phép sử dụng khẩn cấp đối với vaccine Sputnik Light;

Indonesia siết chặt quy định đối với hoạt động xuất nhập cảnh; Một số nước tiếp tục ghi nhận số ca mắc cao kỷ lục...

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 06/02, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.202.000 cuộc gọi (ngày 06/02 đã tiếp nhận và xử lý hơn 3 nghìn cuộc gọi).

25/1	26/1	27/1	28/1	29/1	30/1	31/1	01/2	02/2	03/2	04/2	05/2	06/2
10334	9111	9859	9236	6581	6856	5688	5155	5813	3256	2902	3369	3564

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 06/02/2022 đã tiếp nhận hơn 310 nghìn cuộc (ngày 06/02/2022 đã tiếp nhận 23 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5/2021 – 06/02/2022 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11/2021- 06/02/2022 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	25/1	26/1	27/1	28/1	29/1	30/1	31/1	01/2	02/2	03/2	04/2	05/2	06/2
Cuộc gọi đến	53	59	92	63	58	52	43	42	40	32	29	26	23

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 34.649.525 (= so với 06/02/2022, tăng 19.016 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 36,12% dân số, 51,96% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.718.369 điểm đăng ký

+ 70.557 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 238.545.260

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 182.426.453

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 172.704.552

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 94,67%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 32.522.992

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐ Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19, tiếp tục tuyên truyền về Nghị quyết 128 về “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”; truyền thông phòng, chống dịch theo Kế hoạch truyền thông của Tiểu ban Truyền thông với thông điệp “*Linh hoạt thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, hiệu quả, bảo vệ sức khỏe, tinh mạng và sinh hoạt bình thường của nhân dân, vì một Tết Nhâm Dần sum họp, an toàn*”.

- Tuyên truyền việc phục hồi, phát triển kinh tế của bộ, ngành, địa phương bên cạnh việc chống dịch.

- Tuyên truyền nỗ lực và ứng phó của một số địa phương có các ca nhiễm tăng cao, thích ứng an toàn, duy trì “mục tiêu kép”.

- Báo chí tăng cường khuyến cáo, nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan, xem nhẹ các biện pháp phòng, chống dịch, nhất là trong dịp Tết, người dân đi lại, gặp gỡ.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Theo Bộ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Thanh Long, khi có vaccine phòng COVID-19 tiêm cho trẻ em từ 5-12 tuổi, chúng ta sẽ triển khai tiêm từng bước thận trọng chắc chắn, vấn đề an toàn tiêm chủng được đặt lên hàng đầu, trước hết và trên hết.

- Cập nhật cấp độ dịch của Bộ Y tế cho thấy, số tỉnh, thành vùng xanh- cấp độ 1 về dịch COVID-19 đã tăng lên 41 địa phương; 22 tỉnh, thành còn lại là vùng vàng. Hiện cả nước không còn tỉnh, thành nào là vùng cam, đỏ.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- TP.HCM:

+ Tiếp tục đạt cấp độ 1 trong kết quả đánh giá cấp độ dịch COVID-19. Đối với cấp quận huyện và TP Thủ Đức, có 22/22 địa phương đạt cấp độ 1. Đánh giá cấp độ dịch ở cấp phường, xã, thị trấn cho thấy, có 311/312 địa phương đạt cấp độ 1, 1/312 địa phương đạt cấp độ 2.

+ Cho phép trẻ em thuộc khối giáo dục mầm non và học sinh từ lớp 1 đến lớp 6 học tập trực tiếp. Theo đó, từ ngày 7/2/2022, cơ sở giáo dục thực hiện các công tác chuẩn bị đón trẻ và học sinh trở lại trường học tập trực tiếp. Từ ngày 14/2/2022, tổ chức đón trẻ mầm non và học sinh lớp 1 đến lớp 6 đến trường, sinh hoạt hướng dẫn công tác an toàn cho học sinh khi trở lại trường, học tập trực tiếp.

- Cà Mau: từ ngày 7/2, học sinh từ lớp 6 đến lớp 12 học trực tiếp, cấp tiểu học tiếp tục học trực tuyến. Đến ngày 14/2, cấp tiểu học mới học trực tiếp.

- Sóc Trăng: từ ngày 10/2, học sinh cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông sẽ trở lại học trực tiếp. Cấp tiểu học và mầm non sẽ học trực tiếp từ ngày 14/2.

- Quảng Trị: Kết thúc kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022, phần lớn trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên ở tỉnh Quảng Trị sẽ trở lại trường học trực tiếp. Để việc dạy học trực tiếp được thuận lợi, các trường học sẽ phối hợp với y tế địa phương xây dựng kịch bản phù hợp xử lý tình huống xảy ra dịch COVID-19 trong quá trình tổ chức dạy học trực tiếp; lựa chọn tổ chức các hoạt động như trao đổi, tập huấn, diễn tập cho

giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh để tạo sự đồng thuận trước khi cho trẻ mầm non, học sinh đến trường.

(4) Công tác phòng, chống dịch tại Hà Nội và một số địa phương:

- TP. Hà Nội:

+ Hà Nội đón hơn 105.000 lượt khách trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần. Con số này thực sự ý nghĩa trong bối cảnh dịch COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp, mở ra cơ hội phục hồi và phát triển du lịch trong thời gian tới tại Thủ đô.

+ Ngày 5/2, Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội tổ chức đoàn kiểm tra việc tạm dừng lễ hội tại chùa Hương (huyện Mỹ Đức) và các lễ hội khác trên địa bàn thành phố, theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương và thành phố Hà Nội về tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm đón Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm. Theo ghi nhận của đoàn kiểm tra, huyện Mỹ Đức đã thực hiện nghiêm túc việc tạm dừng tổ chức lễ hội. Khu vực suối Yên Phong quang đãng, không còn cảnh đồ xếp hàng la liệt chờ đón khách. Hàng quán khu vực đền Trình và chùa Thiên Trù, đường lên động Hương Tích đóng cửa.

- Nghệ An: Sau kỳ nghỉ Tết, dịch COVID-19 ở Nghệ An đang diễn biến phức tạp, số ca dương tính tiếp tục tăng, có ngày tăng đột biến, trong số đó có rất nhiều ca cộng đồng và không có triệu chứng bệnh. Hiện một số địa phương trong tỉnh đã triển khai chiến dịch tiêm vắc xin mùa xuân năm 2022 cho các đối tượng đủ điều kiện để tiêm các mũi vắc xin cơ bản, mũi bổ sung, nhắc lại theo hướng dẫn của Bộ Y tế, như huyện Nghi Lộc tổ chức tiêm từ ngày 6/2 đến ngày 8/2 tại hội trường UBND 29 xã, thị trấn trên địa bàn.

- Vĩnh Phúc: Tình hình dịch bệnh Covid-19 ở tỉnh Vĩnh Phúc những ngày gần đây diễn biến theo chiều hướng phức tạp. Số ca mắc trong cộng đồng, đặc biệt những ngày sau Tết nguyên đán tăng khá cao. Vì thế, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc yêu cầu Sở Y tế hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tăng cường xét nghiệm tầm soát để kịp thời phát hiện và bóc tách F0 ra khỏi cộng đồng; xây dựng, hướng dẫn cụ thể quy trình vận chuyển F0 từ các doanh nghiệp khi phát sinh ca bệnh đến khu điều trị bằng phương tiện tại chỗ của doanh nghiệp.